TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2018/QĐST - HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự về HN&GĐ thụ lý số: 77/2018/TLST - HNGĐ ngày 08/02/2018, về ly hôn, tranh chấp khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1980.

Bị đơn: Anh Trần Đình C, sinh năm 1973

Đều có địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/02/2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09/02/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị L và anh Trần Đình C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Đình K, sinh ngày 31/01/2002; Trần Phan A, sinh ngày 22/9/2011, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/1cháu/tháng, hai cháu là 4.000.000đồng/tháng, cho chị L đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Hiện cháu M đã trưởng thành nên đôi bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với tất với tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hai bên tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả 150.000đồng, án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng tiền án phí dân sự về việc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AB/2016/0001496 ngày 07/02/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi n hận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THUỴ